

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI ĐÀ NẴNG
TỔ CHUYÊN GIA MUA SẮM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 5 tháng 6 năm 2025

HỒ SƠ YÊU CẦU

Gói mua sắm: Mua sắm HHDV sửa chữa, thay thế đèn LED và bề mặt chữ Logo 3D thương hiệu VietinBank tại toà nhà Văn phòng đại diện VietinBank tại Đà Nẵng.

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Giới thiệu gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm HHDV sửa chữa, thay thế đèn LED và bề mặt chữ Logo 3D thương hiệu VietinBank tại toà nhà Văn phòng đại diện VietinBank tại Đà Nẵng.
- Tổng giá trị mua sắm: 1.238.571.000 đồng.
- Chủ đầu tư: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam/Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng
- Địa chỉ: 36 Trần Quốc Toản, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Nguồn vốn: Chi phí Văn phòng đại diện Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam tại Đà Nẵng.
- Phương thức thực hiện hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày.

2. Tư cách hợp lệ và năng lực kinh nghiệm của nhà thầu:

- a. Về điều kiện pháp lý:
 - Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
 - Hạch toán tài chính độc lập;
 - Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- b. Về năng lực kinh nghiệm:
 - Nhà thầu có đăng ký kinh doanh phù hợp với yêu cầu về cung cấp của gói thầu.
 - Đã cung cấp hàng hoá có yêu cầu kỹ thuật và giá trị hàng hoá tương đương gói thầu (Có ít nhất 1 Hợp đồng tương đương về chủng loại và có giá trị kèm theo).
 - Các yêu cầu khác (nếu có).

3. Yêu cầu về cung cấp

- Phạm vi cung cấp:

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	Ghi chú
1	Logo 3D: Tháo bỏ mặt mica hiện trạng, thay thế bằng bạt 3M USA panagraphics màu trắng, dán decal lưới 3M HQ/ hoặc tương đương màu nhận diện thương hiệu. Khung sắt vuông bên trong chữ để căng bạt.	Bộ	2	

2	Đèn Led Modul 3 bóng Hàn Quốc NC 2835/ <i>hoặc tương đương</i> gắn âm bên trong Logo tạo ánh sáng hắt tràn mặt Logo. Khoảng cách theo chiều đứng: 10cm, khoảng cách theo chiều ngang: 7cm	Module	10000	
3	Bộ biến nguồn chuyên dụng cho đèn led 12V - 300W, ngoài trời, chống nước, Hàn Quốc	Bộ	60	
4	Vệ sinh & sơn lại hông toàn bộ Logo theo hướng dẫn thương hiệu	Bộ	2	
5	Vệ sinh khung sắt gia cố chữ, xử lý hàn nối hoặc thay thế các thanh sắt bị hỏng, bản lề. Sơn lại toàn bộ hệ khung sắt lắp Logo	Khung	2	
6	Dây điện cadivi 1x2.5 đầu nối từ tủ điện nguồn tới Logo	md	150	
7	Cáp Inox bọc nhựa phi 10mm, ốc xiết cáp thay thế toàn bộ cáp cũ hiện trạng	Bộ	2	
8	Thay toàn bộ bulong M16 x 40	Bộ	2	
9	Nhân công vận chuyển vật tư và thi công lắp đặt tại tầng 26	Bộ	2	
10	Nhân công tháo hệ khung sắt lắp chữ xuống, sơn khung, thay bạt, lắp lại và dựng lên.	Bộ	2	

- Tiến độ cung cấp: 45 ngày
- Yêu cầu về kỹ thuật: Đảm bảo theo nhận diện thương hiệu về màu sắc chữ vào ban ngày và độ sáng chữ vào ban đêm.
- Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

4. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo **Mẫu số 01, Chương III**;
2. Hồ sơ năng lực kinh nghiệm theo quy định tại **mục 2**.
3. Đề xuất kỹ thuật: theo quy định tại **mục 3**.

4. Đề xuất tài chính: Nhà thầu đưa ra mức giá đề xuất và nêu điều kiện thanh toán cho toàn bộ các hàng hóa, dịch vụ trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 3; Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện.

5. Thời gian có hiệu lực của HSDX:

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 40 ngày, kể từ hạn cuối nhận HSDX.

6. Bảo đảm dự thầu (nếu cần thiết)

Không thực hiện.



[Handwritten signature]

7. Nộp, tiếp nhận HSDX

- Nhà thầu phải gửi 01 bản gốc cùng 01 bản chụp đến Văn phòng đại diện Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam tại Đà Nẵng chậm nhất là 10 giờ 00 ngày 13 tháng 6 năm 2025.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDX của nhà thầu bị loại.

8. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng

Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà thầu có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo yêu cầu tại **Mục 4, Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu**;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
- d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- đ) Thời gian có hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu nêu tại **Mục 5, Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu**;
- e) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại **Mục 2, Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu**.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Sử dụng tiêu chí Đạt/không đạt để đánh giá năng lực và kinh nghiệm theo **Mục 2, Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu**.

3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí Đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt. Các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:



Handwritten signature/initials.

- Đáp ứng: Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: bảo hành 12 tháng;

- Tiến độ cung cấp hàng hóa;

- Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó;

4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà thầu. HSĐX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi: Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà thầu chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:



Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSDX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSDX của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu này; trường hợp HSDX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Chương III. CÁC BIỂU MẪU KÈM THEO

2300
PH
AI DI
HÀNG
TỔNG
ĐÀ NẴ
11 - TP

KP

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: ... [Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: ... [Ghi tên gói thầu theo HSYC]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu HSYC và văn bản sửa đổi HSYC số ... [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi nhận được, chúng tôi, ... [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại ... [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết thực hiện gói thầu ... [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của HSYC với tổng số tiền là ... [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ... [Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC (nếu có).

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong ... ngày [Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng HSYC], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [Ghi ngày có hạn cuối nộp HSDX theo HSYC].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁴⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

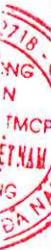
Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 1 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền).



[Handwritten signature]

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

..., ngày ... tháng ... năm ...

Hợp đồng số: ...

Gói thầu: ... [Ghi tên gói thầu]

- Căn cứ [Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13];

- Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu ... [Ghi tên gói thầu] và thông báo KQLCNT số ... ngày ... tháng ... năm ... của [Bên mời thầu];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên A: NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM/ĐƠN VỊ ...

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là Ông/Bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... (trường hợp được ủy quyền).

Bên B: Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là Ông/Bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục cụ thể...

Điều 2. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ...[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].

2. Phương thức thanh toán :

a) Hình thức thanh toán ...

b) Thời hạn thanh toán ...



[Handwritten signature]

c) Số lần thanh toán ... [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng].

Điều 5. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: ...[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với yêu cầu của HSYC và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 7. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: ... [Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu].

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng trong trường hợp điều chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu cần thiết)

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: ... [Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu].

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: ... [Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam].

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: ... % giá hợp đồng [Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 3% giá trị hợp đồng].

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ... tháng ... năm ... [Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này cho phù hợp].

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: ... [Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu].

4. Trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B cần gia hạn thời gian hiệu lực tương ứng của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

a) Bên A hoặc Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được hai Bên gia hạn;

b) Bên A hoặc Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A hoặc Bên B chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A hoặc Bên B không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không



làm mất đi quyền lợi của Bên A hoặc Bên B được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 11. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong HSYC, cụ thể là: ... *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể về việc giao hàng và các tài liệu, chứng từ kèm theo]*.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: ... *[Nêu yêu cầu về vận chuyển hàng hóa, bao gồm cả địa điểm giao hàng căn cứ yêu cầu và tính chất của gói thầu]*.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: ... *[Ghi thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm... cũng như quy định về cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm]*. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 12. Bảo quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: ... *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật]*.

Điều 13. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: Thời hạn bảo hành 12 tháng. Giá trị bảo lãnh bảo hành bằng 5% giá trị hợp đồng. Bên B bảo lãnh bằng tiền mặt hoặc Thư bảo lãnh bảo hành được phát hành bởi Ngân hàng có uy tín ngoài hệ thống Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam .. *[Nêu yêu cầu về bảo hành như sau: thời hạn bảo hành, phiếu bảo hành kèm theo, cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành...]*.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: ... *[Ghi cụ thể thời gian]* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: ... *[Ghi cơ chế xử lý tranh chấp]*. Trường hợp Hai Bên không thể hoà giải thì thông qua Toà án nhân dân TP Đà Nẵng để giải quyết.



[Signature]

Điều 15. Bảo mật thông tin

1. Bên B cam kết rằng:

1.1 Dịch vụ công nghệ thông tin của Bên B đáp ứng các quy định của pháp luật và thỏa thuận với Bên A về bảo đảm an toàn thông tin; Bên B có trách nhiệm phổ biến cho nhân sự của Bên B tham gia thực hiện hợp đồng các quy định về bảo đảm an toàn thông tin của Bên A, thực hiện các biện pháp giám sát bảo đảm tuân thủ các quy định an toàn thông tin.

1.2 Bên B không được sao chép, thay đổi, sử dụng hay cung cấp dữ liệu của Bên A cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; trong trường hợp này, Bên B phải thông báo cho Bên A trước khi cung cấp dữ liệu.

1.3. Bên B thông báo cho Bên A khi phát hiện nhân sự của Bên B vi phạm quy định về an toàn thông tin đối với dịch vụ mà Bên A sử dụng.

1.4. Tất cả các cán bộ của Bên B tham gia vào bất kỳ giai đoạn nào khi triển khai Hợp đồng này đều tuân thủ các nội dung sau đây:

- Chỉ sử dụng các tài sản, thông tin do Bên A cung cấp hoặc Bên A cho phép tiếp cận cho mục đích thực hiện Hợp đồng này;
- Giữ bí mật tài khoản được cấp, chỉ sử dụng tài khoản trong phạm vi quyền hạn được cấp cho mục đích thực hiện Hợp đồng này;
- Không truy cập sang các hệ thống khác hoặc mở rộng quyền hạn trên hệ thống CNTT của Bên A khi không được sự đồng ý của Bên A;
- Không khai thác các thông tin của Bên A mà không liên quan đến Hợp đồng này.

2. Bên A và Bên B thống nhất rằng các thông tin dưới đây sẽ được giữ bí mật, chỉ được dùng cho mục đích của Hợp đồng này, vì vậy không một thông tin nào được tiết lộ bởi một Bên cho bên thứ ba nếu chưa có sự đồng ý của Bên kia bằng văn bản, trừ trường hợp ngoại lệ được quy định tại Khoản 4 Điều 15 này:

a) Tất cả những thông tin phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, các thông tin khác liên quan đến Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam mà Bên B có được trong quá trình thực hiện Hợp đồng này được lưu trên giấy tờ hoặc lưu dưới dạng khác như lưu trong thiết bị ngoại vi.

b) Thông tin liên quan đến các hệ thống thiết bị, thông số kỹ thuật, các ứng dụng... sử dụng trên các thiết bị được cung cấp bởi Hợp đồng này.

3. Nếu một bên cung cấp/tiết lộ Thông tin cho bên thứ ba nào khác (theo sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia) thì bên cung cấp/tiết lộ thông tin phải đảm bảo bên thứ ba đó cũng sẽ có nghĩa vụ bảo mật những thông tin đã tiếp nhận theo những quy định tương tự như Điều 15 của Hợp đồng này.

4. Các trường hợp ngoại lệ

4.1 Nghĩa vụ bảo mật của mỗi bên theo quy định trong Hợp đồng này sẽ không áp dụng đối với những thông tin mà:

- Đã xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- Một bên có thể chứng minh được rằng đó là những thông tin thuộc sở hữu của mình trước khi lần đầu tiên nhận được từ bên kia;
- Những thông tin mà dù một bên coi là không được tiết lộ nhưng tại thời điểm ký Hợp đồng hoặc sau đó sẽ được công bố rộng rãi;
- Thông tin mà mỗi bên đã có được từ các nguồn khác nhau trước thời điểm ký Hợp đồng;

4.2 Một bên có quyền tiết lộ thông tin cho các chức danh quản lý, kiểm toán viên, viên chức, nhân viên, cố vấn pháp lý, luật sư nội bộ hoặc những chuyên viên cần được biết thông tin đó nhằm mục đích thực hiện Hợp đồng và/hoặc các công việc khác với điều kiện các bên nhận thông tin

0027
PHÒNG
DIỆN
TIG TM
VIỆT NAM
SANG
ĐA

này sẽ có nghĩa vụ bảo mật thông tin đã được tiếp nhận theo những quy định tương tự Điều 15 của Hợp đồng này.

4.3. Mỗi bên có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước, tổ chức, các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, các bên tiếp tục trách nhiệm thực hiện bảo mật thông tin theo quy định tại hợp đồng.

5. Trường hợp Bên B sử dụng nhà thầu phụ không làm thay đổi trách nhiệm của bên B đối với dịch vụ mà bên A sử dụng.

6. Trừ các trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng, hai bên đồng ý rằng dữ liệu phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ là tài sản của Bên A. Khi chấm dứt hợp đồng:

- Bên B thực hiện trả lại toàn bộ dữ liệu triển khai và dữ liệu phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ cho Bên A.

- Bên B cam kết hoàn thành việc xóa toàn bộ dữ liệu của Bên A trong vòng 01 tháng kể từ ngày Bên A chấm dứt hợp đồng với Bên B.

8. Điều khoản bảo mật này có hiệu lực kể từ ngày ký Hợp đồng này và vẫn còn hiệu lực kể cả sau khi Hợp đồng này hết hiệu lực.

Các hợp đồng sử dụng, kết nối đến hệ thống CNTT của đối tác phải có tối thiểu thêm những nội dung sau:

- Quy định cụ thể thời gian tối đa có thể gián đoạn dịch vụ và thời gian khắc phục sự cố
- Các yêu cầu liên quan đến bảo đảm hoạt động liên tục
 - o Dự phòng tại chỗ:
 - o Sao lưu dữ liệu:
 - o Dự phòng thảm họa:
- Các yêu cầu liên quan đến năng lực xử lý, tính toán, lưu trữ: *đưa ra yêu cầu cụ thể cho khả năng chịu tải của hệ thống, khả năng lưu trữ dữ liệu.*
- Các biện pháp thực hiện khi chất lượng dịch vụ không được bảo đảm: *đưa ra các yêu cầu cụ thể đối tác phải có phương án xử lý khi chất lượng hệ thống, trang thiết bị CNTT do đối tác bảo hành, bảo trì hoặc hệ thống CNTT của đối tác không được bảo đảm.*

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và Bên A đã nhận được bảo đảm thực hiện Hợp đồng hoặc ngày mà Bên A nhận được bảo đảm thực hiện Hợp đồng sau thời điểm các bên ký Hợp đồng

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên đã thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong Hợp đồng và ký Biên bản thanh lý hợp đồng..

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN A**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN B**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

